PHỤ LỤC 01

(Hướng dẫn đoạn 02 Khuôn khổ này)

MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CHUẨN MỰC

Phụ lục này minh họa phạm vi, mối quan hệ giữa Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, các chuẩn mực về dịch vụ đảm bảo và các chuẩn mực về dịch vụ liên quan.

**Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán**

**Chuẩn mực kiểm soát chất lượng số 1 (VSQC1)**

**Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo**

*Dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ*

*Dịch vụ đảm bảo khác*

**VSAs 100-999**

**Chuẩn mực kiểm toán**

**Việt Nam**

**VSAEs 3000-3699**

**Chuẩn mực**

**Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo**

**VSREs 2000-2699**

**Chuẩn mực**

**Việt Nam về dịch vụ soát xét**

*Dịch vụ*

*liên quan*

**VSRSs 4000-4699**

**Chuẩn mực**

**Việt Nam về dịch vụ liên quan**

*Các dịch vụ không phải tuân thủ chuẩn mực*

*Các dịch vụ phải tuân thủ chuẩn mực*

*Tư vấn*

*Các dịch vụ khác*

*Thuế*

PHỤ LỤC 02

(Hướng dẫn đoạn 13 Khuôn khổ này)

DỊCH VỤ ĐẢM BẢO CHỨNG THỰC VÀ DỊCH VỤ ĐẢM BẢO TRỰC TIẾP

Phụ lục này trình bày các khác biệt giữa dịch vụ đảm bảo chứng thực và dịch vụ đảm bảo trực tiếp

01.   Trong dịch vụ đảm bảo chứng thực, bên đo lường hoặc đánh giá không phải là kiểm toán viên, thực hiện đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo dựa trên các tiêu chí và kết quả của công việc này là thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo. Thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo có thể không được phản ánh một cách đầy đủ trong mối quan hệ giữa đối tượng dịch vụ đảm bảo và các tiêu chí, do đó có thể bị sai sót hoặc tiềm ẩn sai sót trọng yếu. Vai trò của kiểm toán viên trong dịch vụ đảm bảo chứng thực là thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đưa ra kết luận về việc liệu thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo, là kết quả của bên đo lường hoặc đánh giá, có còn sai sót trọng yếu hay không.

02.   Trong dịch vụ đảm bảo trực tiếp, kiểm toán viên đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo dựa trên các tiêu chí và trình bày kết quả thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo cùng với báo cáo dịch vụ đảm bảo, hoặc như là một phần của báo cáo dịch vụ đảm bảo. Kết luận của kiểm toán viên trong dịch vụ đảm bảo trực tiếp thể hiện kết quả của việc đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo dựa trên các tiêu chí. Trong một số dịch vụ đảm bảo trực tiếp, kết luận của kiểm toán viên là một phần hoặc toàn bộ thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo. Tùy theo đối tượng dịch vụ đảm bảo thì:

(a)     Kết quả của việc đo lường hoặc đánh giá trong một dịch vụ đảm bảo trực tiếp có thể tương tự như báo cáo do bên đo lường hoặc đánh giá lập trong một dịch vụ đảm bảo chứng thực. Tuy nhiên trong các trường hợp khác, kết quả của công việc (chính là thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo) có thể được trình bày trong đoạn mô tả các phát hiện và cơ sở cho kết luận của kiểm toán viên trong một báo cáo dịch vụ đảm bảo dạng dài;

(b)    Kiểm toán viên có thể sử dụng dữ liệu do người khác thu thập hoặc tổng hợp. Ví dụ, dữ liệu có thể thu thập từ hệ thống thông tin của bên chịu trách nhiệm.

03.   Trong dịch vụ đảm bảo trực tiếp, ngoài việc đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo, kiểm toán viên cũng áp dụng các kỹ năng và kỹ thuật đảm bảo để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp nhằm đưa ra kết luận về việc liệu thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo có còn sai sót trọng yếu hay không. Kiểm toán viên có thể thu thập bằng chứng cùng lúc với việc đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo, nhưng cũng có thể thu thập trước hoặc sau quá trình đo lường hoặc đánh giá.

04.   Giá trị của dịch vụ đảm bảo trực tiếp dựa trên sự kết hợp của:

(a)     Tính độc lập của kiểm toán viên với đối tượng dịch vụ đảm bảo, bên thuê dịch vụ, đối tượng sử dụng và bên chịu trách nhiệm, cho dù kiểm toán viên không độc lập với thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo vì kiểm toán viên là người lập và trình bày thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo đó;

(b)    Kiểm toán viên sử dụng kỹ năng và kỹ thuật đảm bảo khi đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo với bằng chứng thu thập được có chất lượng và số lượng tương tự như thực hiện trong một dịch vụ đảm bảo chứng thực. Việc thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp là sự phân biệt giữa dịch vụ đảm bảo trực tiếp với dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính (Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ liên quan số 4410 - Dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính).

**PHỤ LỤC 03**

(Hướng dẫn đoạn 27 Khuôn khổ này)

**CÁC BÊN THAM GIA DỊCH VỤ ĐẢM BẢO**

**TRÁCH NHIỆM**

**ĐO LƯỜNG/ĐÁNH GIÁ**

**ĐẢM BẢO**

Bên chịu trách nhiệm

Bên thuê dịch vụ

Tiêu chí

Thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo

Điều khoản hợp đồng

Người hành nghề

Đối tượng dịch vụ đảm bảo

Báo cáo dịch vụ đảm bảo

Đối tượng

sử dụng

Bên đo lường/ đánh giá

01.   Tất cả các hợp đồng dịch vụ đảm bảo phải có ít nhất 3 bên: Kiểm toán viên, bên chịu trách nhiệm và đối tượng sử dụng báo cáo dịch vụ đảm bảo. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ, dịch vụ có thêm bên đo lường hoặc đánh giá hoặc bên thuê dịch vụ riêng biệt.

02.   Sơ đồ trên minh họa vai trò của các bên liên quan đến hợp đồng dịch vụ đảm bảo, như sau:

(a)     Bên chịu trách nhiệm là bên chịu trách nhiệm về đối tượng dịch vụ đảm bảo;

(b)    Bên đo lường hoặc đánh giá sử dụng các tiêu chí để đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo mà kết quả tạo ra thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo;

(c)     Bên thuê dịch vụ và kiểm toán viên thỏa thuận về các điều khoản của hợp đồng dịch vụ;

(d)    Kiểm toán viên thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đưa ra kết luận nhằm tăng độ tin cậy cho đối tượng sử dụng (mà không phải là bên chịu trách nhiệm) về thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo.

(e)     Các đối tượng sử dụng đưa ra quyết định trên cơ sở thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo. Các đối tượng sử dụng là các cá nhân, tổ chức, hoặc nhóm người mà kiểm toán viên cho là sẽ sử dụng báo cáo dịch vụ đảm bảo. Trong một số trường hợp, có thể có những đối tượng sử dụng báo cáo dịch vụ đảm bảo mà không phải là người được nhận ghi trên báo cáo.

03.   Vai trò của các bên tham gia được thể hiện như sau:

(1)    Ngoài kiểm toán viên, mỗi dịch vụ đảm bảo có ít nhất một bên chịu trách nhiệm và các đối tượng sử dụng;

(2)    Kiểm toán viên không thể là bên chịu trách nhiệm, bên thuê dịch vụ hoặc đối tượng sử dụng;

(3)    Đối với dịch vụ đảm bảo trực tiếp, kiểm toán viên cũng có thể là bên đo lường hoặc đánh giá;

(4)    Đối với dịch vụ đảm bảo chứng thực, bên chịu trách nhiệm hoặc bên khác nhưng không phải là kiểm toán viên, có thể là bên đo lường hoặc đánh giá;

(5)    Trường hợp kiểm toán viên đã đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo dựa trên các tiêu chí, thì đây là dịch vụ đảm bảo trực tiếp. Đặc điểm của dịch vụ đảm bảo trực tiếp là không thể thay đổi thành dịch vụ đảm bảo chứng thực bằng cách một bên khác được giả định chịu trách nhiệm cho việc đo lường hoặc đánh giá, ví dụ, bên chịu trách nhiệm đính kèm một báo cáo với thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo trong đó thừa nhận trách nhiệm đối với thông tin này;

(6)    Bên chịu trách nhiệm có thể là bên thuê dịch vụ;

(7)    Trong nhiều dịch vụ đảm bảo chứng thực, bên chịu trách nhiệm cũng có thể là bên đo lường hoặc đánh giá và là bên thuê dịch vụ, ví dụ, một đơn vị thuê kiểm toán viên thực hiện một dịch vụ đảm bảo về báo cáo hoạt động bền vững do chính đơn vị đó lập. Ví dụ về trường hợp bên chịu trách nhiệm không phải là bên đo lường hoặc đánh giá là khi kiểm toán viên được thuê thực hiện một dịch vụ đảm bảo về báo cáo hoạt động bền vững của một công ty tư nhân do một cơ quan quản lý Nhà nước lập;

(8)         Đối với dịch vụ đảm bảo chứng thực, bên đo lường hoặc đánh giá thường cung cấp cho kiểm toán viên giải trình bằng văn bản về thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo. Trong một số trường hợp, kiểm toán viên có thể không thu thập được bản giải trình này, ví dụ, trường hợp bên thuê dịch vụ không phải là bên đo lường hoặc đánh giá;

(9)         Bên chịu trách nhiệm có thể là một trong những đối tượng sử dụng, nhưng không phải là duy nhất;

(10)    Bên chịu trách nhiệm, bên đo lường hoặc đánh giá và các đối tượng sử dụng có thể từ các đơn vị khác nhau hoặc cùng một đơn vị. Ví dụ về trường hợp các bên này từ cùng một đơn vị như, trường hợp một đơn vị có cơ cấu tổ chức 2 tầng, Ban quản trị có thể thu thập sự đảm bảo về các thông tin do Ban Giám đốc đơn vị đó cung cấp. Mối quan hệ giữa bên chịu trách nhiệm, bên đo lường hoặc đánh giá và đối tượng sử dụng cần phải được xem xét trong hoàn cảnh cụ thể của hợp đồng dịch vụ và có thể khác với hiểu biết thông thường về trách nhiệm. Ví dụ, Ban Giám đốc của đơn vị (đối tượng sử dụng) có thể thuê kiểm toán viên thực hiện dịch vụ đảm bảo đối với một khía cạnh cụ thể trong hoạt động của một chi nhánh, mà hoạt động đó thuộc trách nhiệm trực tiếp của Giám đốc chi nhánh (bên chịu trách nhiệm), tuy nhiên, trách nhiệm cuối cùng vẫn thuộc về Ban Giám đốc;

(11)    Bên thuê dịch vụ nếu không phải là bên chịu trách nhiệm thì có thể là đối tượng sử dụng dịch vụ.

04.   Kết luận của kiểm toán viên phải được trình bày dưới các dạng:

(1)         Đối tượng dịch vụ đảm bảo và tiêu chí áp dụng;

(2)         Thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo và tiêu chí áp dụng; hoặc

(3)         Báo cáo của bên có trách nhiệm liên quan.

05.   Kiểm toán viên và bên có trách nhiệm liên quan có thể thỏa thuận việc áp dụng các quy định và hướng dẫn của các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo cho một hợp đồng dịch vụ khi không có đối tượng sử dụng báo cáo đảm bảo nào khác ngoài bên chịu trách nhiệm, nhưng tất cả các yêu cầu khác của các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo phải được thỏa mãn. Trường hợp này, báo cáo của kiểm toán viên phải bao gồm đoạn hạn chế việc sử dụng báo cáo dịch vụ đảm bảo chỉ bao gồm bên chịu trách nhiệm.

**PHỤ LỤC 04**

(Hướng dẫn đoạn 39 Khuôn khổ này)

**PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG DỊCH VỤ ĐẢM BẢO**

Các đối tượng dịch vụ đảm bảo có thể được phân loại như bảng dưới đây kèm theo một số ví dụ. Đối với những mục không có ví dụ thì các dịch vụ đảm bảo này thường không yêu cầu thực hiện ở những mục đó. Việc phân loại không nhất thiết phải đầy đủ, các mục cũng không nhất thiết phải loại trừ lẫn nhau, và một số đối tượng dịch vụ đảm bảo hoặc thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo có thể có các thành phần nhiều hơn một loại, ví dụ, báo cáo tổng hợp và báo cáo trách nhiệm xã hội sẽ bao gồm cả thông tin quá khứ và tương lai lẫn thông tin tài chính và phi tài chính. Trong một số trường hợp, ví dụ là thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo hoặc là đối tượng dịch vụ đảm bảo hoặc đơn thuần chỉ là các câu hỏi mà thông tin có thể hỗ trợ hữu ích hơn trong trường hợp đó.

| **Thông tin về:** | | **Thông tin quá khứ** | **Thông tin định hướng**  **tương lai** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tài chính** | **Kết quả**  **hoạt động** | Báo cáo tài chính được lập phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng. |  Dòng tiền dự báo/dự tính. |
| **Tình hình**  **tài chính** |  Tình hình tài chính dự báo, dự tính. |
| **Phi tài chính** | **Hoạt động/**  **Sử dụng nguồn lực/**  **Giá trị thu được tương xứng với chi phí bỏ ra** |    Báo cáo hiệu ứng nhà kính;     Báo cáo khả năng bền vững;     Các chỉ số đo lường hiệu quả công việc KPIs;     Báo cáo sử dụng hiệu quả các nguồn lực;     Báo cáo giá trị thu được tương xứng với chi phí bỏ ra;     Báo cáo trách nhiệm xã hội. |  Mức giảm khí thải dự kiến do áp dụng công nghệ mới, hoặc hạn chế hiệu ứng nhà kính bằng cách trồng thêm cây xanh;   Báo cáo về các giải pháp để mang lại giá trị thu được tương xứng với chi phí bỏ ra. |
| **Điều kiện** |    Mô tả hệ thống/quy trình thực hiện tại một thời điểm;     Đặc trưng vật lý, ví dụ, kích thước của tài sản đi thuê. |  |
| **Hệ thống/ quy trình** | **Mô tả** |    Mô tả hệ thống kiểm soát nội bộ |  |
| **Thiết kế** |    Thiết kế các kiểm soát tại một tổ chức dịch vụ. |  Thiết kế các kiểm soát dự kiến cho quy trình sản xuất tương lai. |
| **Hoạt động/ Thực hiện** |    Hiệu quả hoạt động của thủ tục tuyển dụng và đào tạo nhân viên. |  |
| **Các khía cạnh hành vi** | **Tuân thủ** |    Sự tuân thủ của đơn vị đối với hợp đồng vay hoặc yêu cầu pháp lý hoặc quy định cụ thể. |  |
| **Hành vi con người** |    Đánh giá tính hiệu quả của Ủy Ban Kiểm toán. |  |
| **Khác** |    Sự phù hợp về mục đích của một gói phần mềm. |  |

***\* \* \* \* \****